

Số: 905 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng giao thông Sài Gòn và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 22/12/2018,

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng giao thông Sài Gòn,

Mã số thuế: 0310194820

Địa chỉ: 460 Lê Văn Việt, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm kiểm định công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Nhà D1, đường 448, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1248**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế các Quyết định số: 87/QĐ-BXD ngày 28/3/2013 và 432/QĐ-BXD ngày 29/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

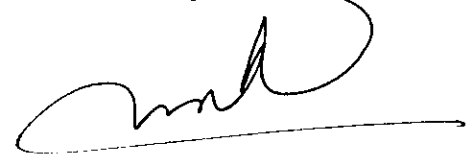
**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng giao thông Sài Gòn;
- Sở XD Hồ Chí Minh;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT

**TL. BỘ TRƯỞNG**

**VỤ TRƯỞNG**

**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



**Vũ Ngọc Anh**

## DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1248

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 905/GCN-BXD, ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
<b>1</b>	<b>THỬ NGHIỆM XI MĂNG</b>	
	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03
	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11
	- Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:95
<b>2</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>	
	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
	- Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
	- Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93
	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
	- Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:93
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
	- Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:93
	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
	- Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:93
	- Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:93
	- Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:93
	- Thử độ co	TCVN 3117:93
	- Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12
<b>3</b>	<b>THỬ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>	
	- Thành phần cỡ hạt; Hướng dẫn xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn; Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng; Xác định độ ẩm	TCVN 7572-2÷7:06
	- Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ	TCVN 7572-8÷13:06

	hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	
	-Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-17:06 TCVN 7572-18:06 TCVN 7572-20:06
	- Xác định hệ số (ES)	ASTM D 2419:91
<b>4</b>	<b>THỬ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG</b>	
	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
	- Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:12
	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:12
	- Xác định sức chống cắt bằng máy cắt phẳng	TCVN 4199:12
	- Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
	- Xác định độ chặt tiêu chuẩn; Đám nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:12 22TCN 333:06
	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
	- Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06
	- Xác định hệ số thấm K	ASTM D 2434:00
	- Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy 3 trục (UU;CU;CD;CV)	ASTM D 2850:95 BS1377-P8:90
<b>5</b>	<b>KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG</b>	
	- Thử kéo	TCVN 197:2014
	- Thử uốn	TCVN 198:08
	- Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:10
	- Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử kéo	TCVN 5403:10
	- Kiểm tra chất lượng mối hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:10
	- Thử phá huỷ mối hàn kim loại- Thử kéo ngang	TCVN 8310:10
	- Thử phá huỷ mối hàn kim loại- Thử kéo dọc	TCVN 8311:10
<b>6</b>	<b>NHỰA BITUM</b>	
	- Xác định độ kim lún ở 250C; - Xác định tỷ lệ độ KLND sau khi ĐN ở 1630C trong 5h so với KL ở 250C	TCVN 7495:05
	- Xác định độ kéo dài ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7496:05
	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05
	- Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 <sup>0</sup> C trong 5h	TCVN 7499:05
	- Xác định ảnh hưởng của nhiệt độ và không khí trên vật liệu nhựa (Thí nghiệm sấy màng mỏng)	ASTM D 1754

	- Xác định ảnh hưởng của nhiệt độ và không khí trên màng nhựa (Thí nghiệm sấy quay màng mỏng)	ASTM D 2872
	- Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:05
	- Xác định khối lượng riêng ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7501:05
	- Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05
	- Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:05
	- Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05
	- Độ nhớt (Sử dụng nhớt kế Brookfield); Độ đàn hồi; Độ ổn định lưu trữ	22TCN 319:04
<b>7</b>	<b>NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG A XÍT</b>	
	- Xác định độ nhớt Saybolt Furol; Xác định điện tích hạt; Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ; Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng); Xác định độ khử nhũ; Thử nghiệm trộn với xi măng; Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-2÷8:11
	- Thử nghiệm chung cát; Thử nghiệm bay hơi; Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh; Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm; Xác định khả năng trộn lẫn với nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-9÷15:11
	- Thí nghiệm nhũ tương nhựa đường Polyme gốc a xít	TCVN 8816:11
	- Phương pháp thí nghiệm vật liệu nhựa đường Polyme	22TCN 319:04
<b>8</b>	<b>THŨ CƠ LÝ VL BỘT KHOÁNG TRONG BT NHỰA</b>	
	- Thành phần hạt; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số háo nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Khối lượng riêng của bột khoáng và nhựa đường; Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:84
<b>9</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>	
	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng ở trạng thái rời; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng ở trạng thái đã đầm nén; Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-1÷6:11
	- Xác định độ góc cạnh của cát; Xác định hệ số độ chặt lu lèn; Xác định độ rỗng dư; Xác định độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa;	TCVN 8860-7÷12:11
	- Xác định thành phần bê tông nhựa	TCVN 8820:11
	- Thí nghiệm vệt hằn bánh xe	AASTHO T324

		EN 12697 - 22
	- Thí nghiệm đặt tính môi của bê tông nhựa	EN 12697 - 26
	- Thí nghiệm mô đun đàn hồi động của bê tông nhựa	ASTM D 3497
	- Thí nghiệm mô đun độ cứng của bê tông nhựa	ASTM D 4123
<b>10</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>	
	- Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12
	- Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12
	- Xác định cường độ bê tông và vết nứt bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9357:12
	- Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:012
	- Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573
	- Cọc – PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
	- Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012
	- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
	- Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D 6951
	- Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:12
	- Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D 4945
	- Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:12
	- Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	ASTM D 4429
	- Xác định sức chịu tải của đất nền	ASTM D 1194
	- Kiểm tra và đánh giá độ bằng phẳng mặt đường theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:11
	- Đo dung trọng, độ ẩm đất bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:71
	- Độ ẩm; khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06
	- Độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
	- PP thử nghiệm modul đàn hồi của đất nền và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:11
	- XD mô đun đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cân Benkelman	TCVN 8867:11
	- Thí nghiệm đánh giá cường độ nền và kết cấu mặt đường mềm bằng thiết bị đo động (FWD)	22TCN 335:06
	- Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
	- Xác định thấm đất tại hiện trường	14TCN 133:02
	- Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 3972:85
	- Đo chuyên vị, độ võng, ứng suất cọc cầu	22TCN 170:87

	- Đo dao động tần số thấp; Đo ứng suất tĩnh, động; Thử tải cầu kiện của cầu (kết cấu nhịp, dầm, mố, trụ, bản mặt cầu, kết cấu phần dưới, các khuyết tật)	22TCN 243:98
	- Phương pháp điện từ kiểm tra chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12
	- Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:12
	- Đo chuyển vị ngang của đất nền	ASTM D 6230
	- Quan trắc chuyển vị ngang nhà và công trình	TCVN 9399:12
	- Đo lún công trình	TCVN 9360:12
<b>11</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>	
	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03
	- Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
	- Xác định khối lượng thể tích mẫu của vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:03
	- Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:03
	- Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:03
<b>12</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY</b>	
	- Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng; Xác định độ rỗng	TCVN 6355-1÷6:09
<b>13</b>	<b>ĐÁT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH</b>	
	- Xác định sức kháng nén của mẫu đất – xi măng (phương pháp trọng khô)	TCVN 9403:2012
	- Xác định cường độ ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:11
<b>14</b>	<b>PHÂN TÍCH HOÁ NƯỚC CHO XÂY DỰNG</b>	
	- Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88
	- Xác định hàm lượng muối hoà tan	TCVN 4560:88
	- Xác định độ pH	TCVN 6492:99
	- Xác định hàm lượng ion clorua (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 6194:96
	- Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	TCVN 6200:96
	- Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 2671:78
<b>15</b>	<b>CƠ LÝ BENTONNITE</b>	
	- Xác định khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát; Tính ổn định; Độ dày áo sét; Tỷ lệ chất keo; Lượng mất nước; Độ PH	TCVN 9395:12

<b>16</b>	<b>THỬ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT</b>	
	- Xác định độ dày tiêu chuẩn	ASTM D 5199:91
	- Xác định khối lượng đơn vị diện tích	ASTM D 5261:91
	- Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	ASTM D 4751:93
	- Xác định độ bền kéo và độ giãn dài	ASTM D 4595:91
	- Khả năng chống xuyên (CBR) của vải địa kỹ thuật	ASTM D 4833:91
	- Xác định sức chọc thủng bằng phương pháp côn rơi	BS 6906 P6:97
	- Khả năng thoát nước của vải địa và bắc thấm	ASTM D 4716:03
	- Cường độ chịu kéo giật, độ giãn dài của Vải địa kỹ thuật và Bắc thấm	ASTM D 4632:91
	- Xác định cường độ xé rách hình thang của Vải địa kỹ thuật	ASTM D 4533:91
<b>17</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LÔNG</b>	
	- Xác định nhiệt độ bắt lửa; Xác định hàm lượng nước; Phương pháp chung cất; Phương pháp xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-2÷5:11
<b>18</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG/ GẠCH KHÔNG NUNG</b>	
	Xác định kích thước hình học, màu sắc và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén, uốn; Xác định độ hút nước; Xác định độ rỗng; Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
<b>19</b>	<b>PHÉP THỬ GẠCH TERRAZO</b>	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ uốn; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 7744:2013
<b>20</b>	<b>THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP</b>	
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích khô; độ co ngót khô	TCVN 9030:2017
<b>21</b>	<b>ỐNG CÔNG TRÒN BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC</b>	
	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kích thước hình ống; Thử ép ba cạnh	TCVN 9113:2012

**Ghi chú (\*)** Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.